

UNIT 6: EDUCATION

Lesson 1

Word	Transcription	Meaning
essay (n)	/ˈɛ,seɪ/	bài tiểu luận
homework (n)	/ˈhoʊm,wɜrk/	bài tập về nhà
presentation (n)	/,prezənˈteɪʃən/	buổi thuyết trình, bài thuyết trình
project (n)	/ˈprɒdʒekt/	dự án, đề án
report (n)	/rɪˈpɔrt/	bài báo cáo
test (n)	/tɛst/	bài kiểm tra

Lesson 2

Word	Transcription	Meaning
annoyed (adj)	/əˈnɔɪd/	bực bội, khó chịu
delighted (adj)	/dɪˈlaɪtəd/	vui mừng, hài lòng
disappointed (adj)	/,dɪsəˈpɔɪntɪd/	thất vọng
fail (v)	/feɪl/	thi rớt
pass (v)	/pæs/	thi đậu
pleased (adj)	/plɪzd/	hài lòng
surprised (adj)	/sərˈpraɪzd/	ngạc nhiên
upset (adj)	/ʊpˈsɛt/	buồn bã, đau khổ

Lesson 3

Word	Transcription	Meaning
abroad (adj)	/ə'brɔd/	ở/ra nước ngoài
although (conj)	/,ɔl'ðəʊ/	mặc dù
experience (n)	/Ik'spɪriəns/	trải nghiệm, kinh nghiệm
however (adv)	/,haʊ'evər/	tuy vậy, tuy nhiên
lonely (adj)	/'ləʊnli/	cô đơn, lẻ loi
negative (adj)	/ˈnɛɡətɪv/	tiêu cực, xấu
positive (adj)	/ˈpɒzətɪv/	tích cực, tốt